

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN HỒNG PHƯƠNG

XÉT XỬ PHỨC THÂM VỤ ÁN HÌNH SỰ
THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

Chuyên ngành : Luật hình sự

Mã số : 60 38 40

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Lê Văn Đệ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2012.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là một chế định quan trọng được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Việc nghiên cứu, làm rõ những vấn đề xung quanh chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là quan trọng và cần thiết. Đây là một công việc rất có ích về mặt lâu dài vì nó đóng vai trò căn bản giúp cho các nhà lập pháp mỗi khi xây dựng hay sửa đổi nhằm hoàn thiện luật, sẽ đưa ra những quyết định thực sự phù hợp và thiết thực đến quyền lợi của nhà nước và của nhân dân, đó cũng chính là sự đóng góp không thể thiếu của chúng ta vào tiến trình đi đến một Nhà nước pháp quyền hoàn chỉnh và phát triển; đồng thời cũng giúp cho các nhà áp dụng pháp luật có tính thực thi cao.

Chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự chính là sự thể hiện nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc khách quan và nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Sự tồn tại của chế định này là cơ sở cho những người làm công tác pháp luật đưa ra một quyết định đúng đắn, đó là một bản án công minh, đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Đồng thời, chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự trong luật hình sự góp phần đảm bảo cho việc thực hiện các nguyên tắc của luật hình sự một cách toàn diện.

Trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam, nhà làm luật nước ta đã chính thức ghi nhận chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự bằng việc quy định tại Phần thứ tư, Chương 23 (từ Điều 230 đến Điều 254) của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003. Vì vậy, việc làm sáng tỏ để áp dụng một cách chính xác các quy phạm này là rất cần thiết và cấp bách, thêm vào đó sẽ góp phần hoàn chỉnh thêm các vấn đề liên quan đến chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Tác giả cho rằng nghiên cứu chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là vấn đề đặc biệt cần thiết.

Về mặt lập pháp: Những quy định về xét xử phúc thẩm đã được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập. Bên cạnh đó, cũng đã có các văn bản hướng dẫn thi hành (Nghị quyết 05/2005/NQ-HĐTP ngày 8/12/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư "Xét xử phúc thẩm" của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003) nhưng cũng chưa đầy đủ.

Về mặt thực tiễn: Mặc dù đã có quy định cụ thể cũng như văn bản hướng dẫn việc áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng thực tiễn áp dụng các quy định về xét xử phúc thẩm còn nhiều vướng mắc. Trong các báo cáo tổng kết công tác năm của ngành Tòa án nhân dân mấy năm gần đây, khi đề cập đến các vụ án hình sự, quyết định của Tòa án bị sửa, hủy (đại đa số là do thiếu kỹ năng và chuyên nghiệp trong các giai đoạn chuẩn bị xét xử, nghiên cứu hồ sơ vụ án) nên dẫn đến tình trạng hủy, sửa án, bồi thường oan sai cho người vô tội. Như vậy, để tránh tình trạng sửa, hủy án thì Thẩm phán phải là những người có kỹ năng và trình độ chuyên môn cao.

Vì vậy, mặc dù vấn đề này đã được quan tâm nghiên cứu nhưng vẫn còn những vấn đề chưa thống nhất, còn bỏ ngỏ và cần tiếp tục nghiên cứu tiếp. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, do yêu cầu của cải cách tư pháp thì việc tiếp tục hoàn thiện các quy định về xét xử phúc thẩm trong Bộ luật Tố tụng hình sự là điều cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự ở các mức độ khác nhau đã được một số nhà khoa học, luật gia quan tâm, nghiên cứu và được đề cập trong các công trình, trong các tạp chí, trong một số sách chuyên khảo và giáo trình.

Trong các công trình, tạp chí, sách chuyên khảo và giáo trình này bước đầu phân tích và làm rõ những vấn đề xung quanh chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự trong Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành, đồng thời đưa ra mô hình lý luận của kiến giải lập pháp về các quy phạm của chế định này trong hệ thống Luật tố tụng hình sự Việt Nam.

Chúng ta có thể kể đến như:

Các công trình mang tính đại cương: *Giáo trình Luật tố tụng hình sự*, của Trường Đại học luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, 2009; *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, của Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; *Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, của Võ Khánh Vinh 2009;...

Các công trình nghiên cứu mang tính chuyên sâu, liên quan trực tiếp về phúc thẩm trong tố tụng hình sự: Luận văn thạc sĩ luật học như "*Thủ tục xét xử phúc thẩm trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*" của Nguyễn Gia Cường năm 1998; "*Phúc thẩm trong tố tụng hình sự Việt Nam*" của Phan Thị Thanh Mai, 1998; Luận án tiến sĩ "*Phúc thẩm trong tố tụng hình sự*" của Nguyễn Đức Mai;...

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu đ- ọc nghiên cứu tr- ớc khi Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 ban hành, ch- a thực sự toàn diện và đầy đủ về xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự theo đúng tinh thần cải cách t- pháp hiện nay.

Tất cả những luận điểm trên là lý do để tác giả lựa chọn "**Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự**" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là trên cơ sở làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản của chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự theo luật tố tụng hình sự Việt Nam và việc áp dụng chế định này trong thực tiễn cũng nh- xác định những bất cập và nguyên nhân của nó nhằm đề xuất kiến giải pháp hoàn thiện và đ- a ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Từ mục đích nghiên cứu nêu trên, tác giả luận văn đặt cho mình những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

- Làm sáng tỏ về mặt lý luận một số nội dung cơ bản của xét xử phúc thẩm: Bản chất của phúc thẩm, thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm và thủ tục xét xử phúc thẩm...

- Khái quát lịch sử phát triển của chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự và phân tích, đánh giá các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về xét xử phúc thẩm.

- Nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự của ngành Tòa án Hà Nội.

- Phân tích những tồn tại trong các quy định của chế định này và xác định nguyên nhân của những tồn tại trong quá trình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

- Đ- a ra kiến nghị, giải pháp để khắc phục và hoàn thiện các quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn này tập trung nghiên cứu: Lý luận về xét xử phúc thẩm; các quy định về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 và thực tiễn xét xử phúc thẩm vụ án hình sự của ngành Tòa án Hà Nội.

Phạm vi nghiên cứu:

Xét xử phúc thẩm vụ án hình sự là vấn đề có nội dung rộng và phức tạp. Vì vậy trong phạm vi luận văn không thể xem xét toàn diện tất cả các nội dung của vấn đề. Tác giả tập trung nghiên cứu các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về xét xử phúc thẩm và thực trạng phúc thẩm các vụ án hình sự của ngành Tòa án Hà Nội, những tồn tại, v- ớng mắc, nguyên nhân và giải pháp nâng cao hiệu quả phúc thẩm.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận văn này dựa trên việc sử dụng ph- ơng pháp nghiên cứu sau:

-Ph- ơng pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; t- t- ởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng và Nhà n- ớc về xây dựng Nhà n- ớc pháp quyền Việt Nam, về cải cách tư pháp, về tính nhân đạo của pháp luật...

Luận văn sử dụng các ph- ơng pháp nghiên cứu cụ thể nh- : ph- ơng pháp lịch sử, ph- ơng pháp phân tích, ph- ơng pháp so sánh, ph- ơng pháp tổng hợp, phương pháp thống kê, v.v...

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Đây là công trình chuyên khảo trong khoa học luật tố tụng hình sự Việt Nam nghiên cứu một cách t- ơng đối có hệ thống và đồng bộ những vấn đề lý luận và thực tiễn về chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự ở cấp độ một luận văn. Trong luận văn này, tác giả đã giải quyết về mặt lý luận những vấn đề sau:

Ý nghĩa lý luận:

- Phân tích một cách có hệ thống và toàn diện một số vấn đề lý luận về chế định Xét xử phúc thẩm nh- : Khái niệm, bản chất pháp lý và các đặc điểm cơ bản của chế định;

- Phân tích và so sánh với pháp luật tố tụng hình sự một số n- ớc trên thế giới.

Ý nghĩa thực tiễn:

- Phân tích việc áp dụng các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về chế định xét xử phúc thẩm trong thực tiễn xét xử từ năm 2004 đến nay, qua đó đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến xét xử vụ án hình sự trên địa bàn thành phố Hà Nội trong thời gian qua. Đặc biệt, trong phạm vi nhất định, luận văn tập trung chỉ ra một số các tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng và những nguyên nhân của thực trạng này để tìm ra giải pháp khắc phục.

- Đề xuất sửa đổi các quy định về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự cho phù hợp với chính sách pháp luật hình sự của Nhà nước ta.

- Trên cơ sở phân tích những nguyên nhân trong thực tiễn áp dụng, luận văn đã đi ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về chế định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam để phục vụ tốt yêu cầu của công tác xét xử, yêu cầu của thực tiễn công tác phòng và chống tội phạm cũng như việc giáo dục, cải tạo người phạm tội.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm hai chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

Chương 2: Thực tiễn thi hành những quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 của ngành Tòa án Hà Nội về xét xử phúc thẩm từ năm 2004 đến nay và giải pháp nâng cao hiệu quả việc xét xử phúc thẩm.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Những vấn đề lý luận chung về xét xử phúc thẩm vụ án hình sự trong tố tụng hình sự

1.1.1. Khái niệm xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự

Qua phân tích, tác giả luận văn rút ra: *Xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự là một thủ tục tố tụng hình sự mà theo đó Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại các vụ án hình sự mà bản án (quyết định) sơ thẩm bị kháng cáo và*

(hoặc) kháng nghị trong thời hạn luật định nhằm kiểm tra tính hợp pháp và có căn cứ của bản án (quyết định) sơ thẩm, khắc phục kịp thời các sai lầm của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

1.1.2. Tính chất của xét xử phúc thẩm

Tính chất của xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự là việc Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại các vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

1.1.3. Thẩm quyền xét xử phúc thẩm

Thẩm quyền xét xử phúc thẩm là sự phân định thẩm quyền giải quyết các vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm sơ thẩm có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị giữa các Tòa án cấp trên.

Trong tố tụng hình sự, thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm bao gồm hai yếu tố (nội dung) cấu thành là thẩm quyền xem xét (thẩm quyền về hình thức) và thẩm quyền quyết định các vấn đề về vụ án (thẩm quyền về nội dung).

Thẩm quyền xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm bao gồm thẩm quyền xét xử phúc thẩm; phạm vi các vụ án hình sự có thể đi-ợc xem xét lại ở cấp thứ hai (các vụ án có thể kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm) và phạm vi xét xử phúc thẩm (đối với các vụ án thuộc thẩm quyền).

Thẩm quyền quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm thể hiện ở các quyền hạn của Tòa án khi xét xử theo thủ tục phúc thẩm các vụ án bị kháng cáo hoặc kháng nghị.

1.1.4. Đối tượng của xét xử phúc thẩm

Qua phân tích, tác giả luận văn đi- ra nhận định: *đối tượng của xét xử phúc thẩm chỉ có thể là những vụ án mà bản án (quyết định) sơ thẩm sơ thẩm có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị* (chứ không phải và không thể là những bản án (quyết định) sơ thẩm có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị).

1.1.5. Thủ tục xét xử phúc thẩm vụ án hình sự

Thủ tục xét xử lại các vụ án hình sự ở Tòa án cấp phúc thẩm đi-ợc quy định khác nhau trong pháp luật của các nước và th-ởng đi-ợc thể hiện ở ba hình thức: Phiên tòa phúc thẩm hình sự, thủ tục phúc thẩm rút gọn và thủ tục phúc thẩm bút lục.

** Phiên tòa phúc thẩm hình sự*

Phiên tòa phúc thẩm là hình thức phổ biến để các nước áp dụng khi xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự. Ở các nước này, phúc thẩm được xác định là cấp xét xử thứ hai có nhiệm vụ xét xử lại về nội dung các vụ án mà bản án chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị. Do đó việc xét xử vụ án phải được tiến hành tại phiên tòa công khai như phiên tòa sơ thẩm (trừ trường hợp đặc biệt do pháp luật quy định). Hầu hết các quy định về trình tự, thủ tục ở phiên tòa sơ thẩm cũng được áp dụng đối với phiên tòa phúc thẩm. Bên cạnh đó, phúc thẩm là cấp xét xử lại vụ án nên các nước đều quy định thêm một số thủ tục tố tụng đặc thù cho phiên tòa phúc thẩm.

Ở Việt Nam, Điều 247 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 quy định: "Phiên tòa phúc thẩm cũng được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm như ngay khi xét hỏi, một thành viên của Hội đồng xét xử phải trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo, kháng nghị. Khi tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án".

** Thủ tục phúc thẩm rút gọn*

Thủ tục phúc thẩm rút gọn là một dạng đặc biệt của thủ tục xét xử phúc thẩm tại phiên tòa. Theo thủ tục này thì trong một số trường hợp pháp luật quy định, việc xét xử phúc thẩm vụ án vẫn được tiến hành tại phiên tòa như ngay được bỏ một số thủ tục tố tụng không cần thiết để rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

** Thủ tục phúc thẩm bút lục*

Khi xem xét lại vụ án theo thủ tục bút lục, Tòa án cấp phúc thẩm không phải mở phiên tòa, không triệu tập bị cáo, các đồng sự và người làm chứng. Ngoài Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thẩm phán phiên tòa, sự tham gia của Đại diện Viện kiểm sát (Viện công tố) cấp phúc thẩm là bắt buộc. Do không có bị cáo, đồng sự và người làm chứng nên việc xét hỏi, tranh luận không đặt ra, các thủ tục tố tụng ở phiên tòa được tiến hành đơn giản như ở phiên tòa giám đốc thẩm (tái thẩm). Việc áp dụng thủ tục này cho phép rút ngắn đáng kể quá trình xét xử phúc thẩm các vụ án. Thủ tục phúc thẩm theo bút lục được nhiều nước áp dụng ở các mức độ khác nhau.

1.1.6. Các chủ thể tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm

Đối với các nước mà hệ thống tố tụng hình sự được tổ chức theo nguyên tắc tranh tụng thì chủ thể tham gia tố tụng được phân theo chức năng tố tụng và vai trò của họ. Cụ thể:

- Chủ thể thực hiện chức năng xét xử là Tòa án;
- Các chủ thể thực hiện chức năng buộc tội gồm: Kiểm sát viên, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người đại diện của họ;
- Các chủ thể thực hiện chức năng bào chữa gồm: Bị cáo, người bào chữa, bị đơn dân sự và người đại diện của họ;
- Các chủ thể khác gồm: Người làm chứng, người giám định, người phiên dịch...

Đối với các nước thuộc hệ thống thẩm vấn, thành phần tham gia tố tụng được phân thành hai nhóm sau:

- Những người tiến hành tố tụng: là các viên chức nhà nước thực hiện chức năng công quyền (điều tra, truy tố, xét xử) trong tố tụng hình sự: Điều tra viên, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, thẩm phán phiên tòa.
- Những người tham gia tố tụng: Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của họ, người bào chữa, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch...

Do tính chất của xét xử phúc thẩm là xét xử lại vụ án theo kháng cáo, kháng nghị nên chỉ có những người có liên quan đến việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị mới được Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập tham gia phiên tòa. Do đó thành phần tham gia phiên tòa phúc thẩm hạn chế hơn so với phiên tòa sơ thẩm.

1.1.7. Áp dụng các nguyên tắc của tố tụng hình sự trong xét xử phúc thẩm

Về cơ bản, các nguyên tắc của tố tụng hình sự (như nguyên tắc suy đoán vô tội; xác định sự thật khách quan về vụ án; Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; xét xử công khai; bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo; tranh tụng...) áp dụng cho giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng được áp dụng ở giai đoạn phúc thẩm như ở mức độ và phạm vi khác nhau. Chỉ có một số trong các nguyên tắc này (như: suy đoán vô tội, Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo) được áp dụng đầy đủ ở giai đoạn phúc thẩm như ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án.

1.2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và các văn bản pháp luật hiện hành về xét xử phúc thẩm

1.2.1. Quy định về các nguyên tắc cơ bản

Các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 gồm 30 nguyên tắc đ-ợc quy định từ Điều 3 đến Điều 32.

1.2.2. Quy định chung về xét xử phúc thẩm

** Tính chất của xét xử phúc thẩm*

Tính chất của xét xử phúc thẩm đ-ợc quy định tại Điều 230 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2003.

** Thẩm quyền xét xử phúc thẩm*

Theo quy định tại Điều 230 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì Tòa án có thẩm quyền xét xử lại vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó ch- a có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị là Tòa án cấp trên trực tiếp.

** Kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm*

+ *Những ng-ời có quyền kháng cáo và phạm vi kháng cáo:* Theo quy định tại Điều 231 của Bộ luật thì những ng-ời sau có quyền kháng cáo đối với bản án, quyết định ch- a có hiệu lực pháp luật:

- Bị cáo và (hoặc) ng-ời đại diện hợp pháp của họ;
- Ng-ời bị hại và (hoặc) ng-ời đại diện hợp pháp của họ;
- Ng-ời bào chữa cho bị cáo là ng-ời ch- a thành niên hoặc ng-ời có nh- ợc điểm về tâm thần hoặc thể chất;
- Nguyên đơn dân sự và (hoặc) ng-ời đại diện hợp pháp của họ;
- Bị đơn dân sự và (hoặc) ng-ời đại diện hợp pháp của họ;
- Ng-ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và (hoặc) ng-ời đại diện hợp pháp của họ.
- Ng-ời bảo vệ quyền lợi của ng-ời ch- a thành niên hoặc ng-ời có nh- ợc điểm về tâm thần hoặc thể chất;
- Ng-ời đ- ợc Tòa án tuyên bố là không có tội.

+ *Thủ tục kháng cáo:* Đ- ợc quy định tại Điều 233 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

+ *Kháng cáo quá hạn:* Kháng cáo quá hạn đ- ợc quy định tại Điều 235 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

** Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm*

+ *Quyền kháng nghị:* Theo quy định tại Điều 232 của Bộ luật này thì Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm.

+ *Thời hạn kháng nghị:* thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ *Thủ tục kháng nghị:* Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kháng nghị bằng văn bản (quyết định kháng nghị) và đ- ợc gửi đến Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án để thông báo cho ng-ời bị kháng nghị và những ng-ời tham gia tố tụng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị. Trong kháng nghị phải nêu rõ kháng nghị về vấn đề gì, lý do kháng nghị và yêu cầu của Viện kiểm sát.

Trong tr- ờng hợp cả Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp đều kháng nghị nh- ng nội dung kháng nghị có mâu thuẫn nhau (ví dụ: Viện kiểm sát cấp sơ thẩm kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo nh- ng Viện kiểm sát cấp phúc thẩm kháng nghị theo h- ớng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo) thì Tòa án cấp phúc thẩm xem xét phần nội dung mâu thuẫn theo kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên. Nếu cả hai kháng nghị có nội dung bổ sung nhau thì Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét cả hai kháng nghị.

** Thông báo việc kháng cáo, kháng nghị*

Việc kháng cáo kháng nghị phải đ- ợc Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp và những ng-ời tham gia tố tụng trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận đ- ợc kháng cáo, kháng nghị.

** Hậu quả của việc kháng cáo, kháng nghị*

Theo quy định tại Điều 237 của Bộ luật Tố tụng hình sự: những phần của bản án bị kháng cáo, kháng nghị thì ch- a đ- ợc đ- a ra thi hành, trừ tr- ờng hợp bị cáo đang bị tạm giam mà Tòa án cấp s- thẩm quyết định đình chỉ vụ án, không kết tội, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho bị cáo, hình phạt không phải là tù giam hoặc phạt tù nh- ng cho h- ởng án treo hoặc khi thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời hạn đã tạm giam thì bản án hoặc quyết định của Tòa án đ- ợc thi hành ngay mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Khi có kháng cáo kháng nghị đối với toàn bộ bản án thì toàn bộ bản án ch- a đ- ọc đ- a ra thi hành

Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án và kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm.

* *Bổ sung, thay đổi và rút kháng cáo, kháng nghị*

+ *Về việc bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị:* Theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật thì tr- ớc khi bắt đầu hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, ng- ời kháng cáo hoặc Viện kiểm sát có quyền bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị nh- ng không đ- ọc làm xấu hơn tình trạng của bị cáo.

+ *Về việc rút kháng cáo, kháng nghị:*

- Trong tr- ờng hợp ng- ời kháng cáo, Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng cáo, kháng nghị tr- ớc khi bắt đầu phiên tòa (trong vụ án không còn kháng cáo, kháng nghị) thì việc xét xử phúc thẩm phải đ- ọc đình chỉ và thẩm phán đ- ọc phân công giải quyết vụ án ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm. Còn nếu việc rút kháng cáo diễn ra tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Trong tr- ờng hợp vụ án có nhiều ng- ời kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị mà tr- ớc khi mở phiên tòa có ng- ời rút kháng cáo, Viện kiểm sát rút kháng nghị thì Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu ng- ời rút kháng cáo phải làm thành văn bản hoặc Tòa án cấp phúc thẩm phải lập biên bản và biên bản đó phải đ- ọc l- u vào hồ sơ vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm phải thông báo bằng văn bản về việc rút kháng cáo, kháng nghị theo quy định đồng thời tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án đối với phần kháng cáo, kháng nghị còn lại theo thủ tục chung.

- Tr- ờng hợp rút tại phiên tòa thì việc rút kháng cáo, kháng nghị phải đ- ọc ghi vào biên bản phiên tòa. Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung đối với phần kháng cáo, kháng nghị còn lại.

- Khi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm có quyền xem xét đối với các phần có kháng cáo, kháng nghị đã bị rút mà không có liên quan đến phần kháng cáo, kháng nghị còn lại theo quy định tại Điều 241 và khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* *Hiệu lực của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không có kháng cáo, kháng nghị*

Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

1.2.3. Quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm

* *Phạm vi xét xử phúc thẩm (Điều 241)*

Theo quy định tại Điều 241 của Bộ luật thì "Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị. Nếu xét thấy cần thiết thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét các phần khác không bị kháng cáo, kháng nghị của bản án".

* *Thời hạn xét xử phúc thẩm (Điều 242)*

Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án quân sự cấp quân khu phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 60 ngày. Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự trung - ơng phải mở phiên tòa phúc thẩm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc hồ sơ vụ án.

* *Việc Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn (Điều 243)*

Các biện pháp ngăn chặn là những biện pháp pháp lý mang tính c- ỡng chế nhà n- ớc đ- ụng chạm trực tiếp đến các quyền và tự do cơ bản của công dân. Vì vậy, chỉ đ- ọc áp dụng các biện pháp này, đặc biệt là biện pháp tạm giam trong tr- ờng hợp cần thiết và phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ở giai đoạn phúc thẩm là thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hay không áp dụng các biện pháp này. Ngay sau khi nhận đ- ọc hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm phải xem xét ngay việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn quy định tại Điều 61 Bộ luật Tố tụng hình sự. Thông th- ờng là biện pháp tạm giam.

* *Thành phần tham gia phiên tòa phúc thẩm*

- *Hội đồng xét xử phúc thẩm* gồm ba thẩm phán và trong tr- ờng hợp cần thiết có thể có thêm hai hội thẩm.

- *Sự có mặt của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp* là bắt buộc, nếu vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa. Bởi lẽ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

phúc thẩm để thực hiện nhiệm vụ kiểm sát hoạt động xét xử, tham gia xét hỏi và tranh luận, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Trong mọi trường hợp kiểm sát viên vắng mặt thì phải hoãn phiên tòa.

- *Sự có mặt của Th- ký tòa án là bắt buộc.* Mặc dù trong phần này không có quy định nào là sự có mặt của Th- ký Tòa án là bắt buộc nhưng căn cứ Điều 33, Điều 41 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Th- ký Tòa án cũng là một trong những người tiến hành tố tụng nên đương nhiên phiên tòa phúc thẩm phải có sự tham gia của Th- ký Tòa án.

- *Người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị* được triệu tập tham gia phiên tòa.

- *Thời hạn hoãn phiên tòa không được quá 30 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên tòa.*

** Bổ sung, xem xét chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm*

Việc bổ sung, xem xét chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm được thực hiện theo các điều kiện sau:

Một là, thời điểm bổ sung chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm là trước khi xét xử phúc thẩm hoặc trong khi xét hỏi tại phiên tòa.

Hai là, cơ quan có quyền yêu cầu bổ sung chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm là Tòa án

Ba là, người có quyền bổ sung chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm là: Viện kiểm sát, người đã kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự.

Bốn là, việc xem xét chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm là: Chứng cứ cũ, chứng cứ mới, tài liệu đồ vật mới bổ sung đều phải xem xét tại phiên tòa.

Năm là, bản án phúc thẩm phải căn cứ cả chứng cứ cũ, chứng cứ mới, không bỏ qua chứng cứ nào.

** Thủ tục phiên tòa phúc thẩm (Điều 247)*

Phiên tòa phúc thẩm cũng được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm nhưng có một số điểm khác nhau sau:

Khi bắt đầu phiên tòa, thay cho việc đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử, chủ tọa phiên tòa tuyên bố khai mạc phiên tòa

Trước khi xét hỏi, một thành viên Hội đồng xét xử trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung của kháng cáo, kháng nghị

Khi tranh luận, Kiểm sát viên trên cơ sở đánh giá những chứng cứ cũ, chứng cứ mới đã được xem xét ở phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính hợp pháp và có căn cứ của bản án sơ thẩm, về hướng giải quyết vụ án.

** Phúc thẩm những quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm*

Viện kiểm sát cùng cấp và Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo, kháng nghị đối với các quyết định của Tòa án sơ thẩm là 7 ngày kể từ ngày ra quyết định. Thời hạn kháng nghị các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là 7 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 15 ngày.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm không phải mở phiên tòa mà thành lập một hội đồng gồm ba thẩm phán để giải quyết việc kháng cáo, kháng nghị có sự tham gia của Viện kiểm sát cùng cấp và th- ký ghi biên bản.

** Bản án hình sự phúc thẩm*

Bản án hình sự phúc thẩm được ghi rõ theo mẫu bản án hình sự phúc thẩm ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 8/12/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

** Thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự thì Tòa án cấp phúc thẩm có các quyền sau: "a. Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm; b. Sửa bản án sơ thẩm; c. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án để điều tra lại hoặc xét xử lại; d. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án".

** Việc giao bản án và quyết định phúc thẩm*

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày ra quyết định, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án hoặc quyết định phúc thẩm cho người kháng nghị, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan Công an nơi đã xử sơ thẩm, người đã kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, Cơ quan Thi hành án dân

sự có thẩm quyền trong tr- ờng hợp bản án phúc thẩm có tuyên hình phạt tiền, tịch thu tài sản và quyết định dân sự; thông báo bằng văn bản cho chính quyền xã, ph- ờng, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi bị cáo c- trú hoặc làm việc.

Trong tr- ờng hợp Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phúc thẩm thì thời hạn này có thể dài hơn nh- ng không quá hai m- ời lăm ngày.

Ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc ng- ời đại diện hợp pháp của họ có quyền yêu cầu Tòa án cấp trích lục bản án hoặc bản sao bản án.

Chương 2

THỰC TIỄN THI HÀNH NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ 2003 VỀ XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ CỦA NGÀNH TÒA ÁN HÀ NỘI VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ XÉT XỬ PHÚC THẨM

2.1. Thực tiễn thi hành những quy định về xét xử phúc thẩm trong Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 của ngành Tòa án Hà Nội

2.1.1. Kết quả đạt đ- ợc

* Tình hình giải quyết án hình sự phúc thẩm

Theo báo cáo tổng kết công tác và ph- ơng h- ớng nhiệm vụ công tác của ngành Tòa án Hà Nội từ năm 2004 đến nay thì tình hình giải quyết theo trình tự phúc thẩm các vụ án hình sự nh- sau (các bảng 2.1, 2.2, 2.3).

Bảng 2.1: Tình hình án có kháng cáo, kháng nghị của ngành Tòa án Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2010

Năm	Số án tòa án cấp quận, huyện giải quyết (vụ)	Số vụ án có kháng cáo (vụ)	Tỷ lệ (%)	Số vụ án có kháng nghị (vụ)	Tỷ lệ (%)
2005	4374	576	13,2	14	0,32
2006	6548	662	10,2	16	0,25
2007	6816	735	10,8	17	0,24
2008	6427	914	14,3	23	0,36
2009	6624	932	14,2	29	0,44
2010	6150	825	13,4	22	0,36

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bảng 2.2: Tình hình giải quyết án hình sự phúc thẩm của ngành Tòa án Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2010

Năm	Tổng số án có kháng cáo, kháng nghị (vụ)	Số vụ án phúc thẩm giải quyết (vụ)	Tỷ lệ % chung
2004	513	503	98,1
2005	582	563	96,7
2006	676	675	99,9
2007	748	743	99,3
2008	930	925	99,5
2009	945	944	99,9
2010	834	831	99,6

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Bảng 2.3: Tình hình số bị cáo bị đưa ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm của ngành Tòa án Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2010

Năm	Số bị cáo tòa án cấp quận, huyện giải quyết (bị cáo)	Số bị cáo có kháng cáo, kháng nghị (bị cáo)	Tỷ lệ (%)	Số bị cáo Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết (bị cáo)	Tỷ lệ (%)
2004	5412	645	11,9	629	11,6
2005	6407	729	11,4	710	11,1
2006	10648	679	6,4	785	7,4
2007	10460	989	9,5	970	9,3
2008	10486	1221	11,6	1211	11,5
2009	10847	1312	12,1	1309	12,1
2010	10511	1131	10,8	1128	10,7

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

* Về chất l- ợng xét xử án hình sự phúc thẩm

Về chất l- ợng xét xử án hình sự phúc thẩm của ngành Tòa án Hà Nội từ năm 2004 đến nay đ- ợc thể hiện trong bảng 2.4.

Bảng 2.4: Chất l- ợng xét xử án Hình sự phúc thẩm của ngành Tòa án Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2010

	Tổng số bị cáo giải quyết phúc thẩm (bị cáo)	Y án (bị cáo)		Đình chỉ (bị cáo)		Sửa án (bị cáo)		Hủy án (bị cáo)	
		Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)	Tổng số	Tỷ lệ (%)
2004	629	303	48,2	216	34,3	217	34,5	0	0
2005	710	313	44,1	198	27,9	184	25,9	15	0,21
2006	788	356	45,2	278	35,3	146	18,5	18	2,3
2007	970	443	45,7	289	29,8	233	24,0	5	0,5
2008	1211	435	35,9	296	24,4	464	38,3	12	1,4
2009	1309	563	43,0	467	35,7	361	27,6	15	1,8
2010	1128	339	30,1	320	28,4	458	40,6	11	1,0

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2.1.2. Một số hạn chế và vướng mắc trong thực tiễn xét xử phúc thẩm của ngành Tòa án Hà Nội

** Xét xử phúc thẩm không đảm bảo thời hạn luật định*

Theo quy định của pháp luật, thời hạn xét xử phúc thẩm đối với Tòa án nhân dân cấp tỉnh là 60 ngày, kể cả thời gian Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ. Tuy nhiên trên thực tế, thời hạn này vẫn còn kéo dài có khi đến 3, 4 tháng.

Bảng 2.5: Tình hình án hình sự phúc thẩm quá hạn luật định của ngành Tòa án Hà Nội

Năm	Số án có kháng cáo, kháng nghị (vụ)	Số án quá hạn luật định (vụ)	Tỷ lệ (%)
2004	513	6	0.012
2005	582	8	0.014
2006	676	9	0.015
2007	748	11	0.016
2008	930	17	0.018
2009	945	8	0.008
2010	834	5	0.006

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

** Thực hiện không đúng và đầy đủ các quy định về thủ tục và trình tự phiên tòa*

Một số Thẩm phán đ-ợc phân công chủ tọa phiên tòa đã thực hiện không đúng, không đầy đủ hoặc ch-a thống nhất các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thủ tục phiên tòa phúc thẩm.

Bên cạnh đó, ở rất nhiều phiên tòa hình sự hiện nay, không chỉ riêng ngành Tòa án Hà Nội mà là tình trạng chung của cả n-ớc, khi xét xử, tòa xét hỏi quá nhiều, có khi lấn át, hỏi thay cả kiểm sát viên, luật s-. Thói quen ôm phần lớn việc xét hỏi tại phiên tòa xét xử hình sự đã làm vai trò của tòa nghiêng về phía buộc tội, chứng minh tội phạm hơn là trọng tài đúng nghĩa.

Tuy nhiên, ở góc độ khác thực trạng trên còn có một phần lỗi của Kiểm sát viên. Không ít phiên tòa đến phân xét hỏi, Kiểm sát viên ngồi im, hầu nh- không tham gia hỏi gì hoặc chỉ hỏi một vài câu qua loa. Khi ấy, nếu tòa không chủ động xét hỏi thì có khi lại không làm rõ đ-ợc bản chất vụ án.

** Việc ký, ban hành các văn bản tố tụng còn nhiều sai sót*

Trong một số tr-ờng hợp, việc kiểm tra các văn bản tr-ớc khi ký phát hành nh- bản án, quyết định tạm giam, trích sao, thông báo kết quả xét xử...

chưa được cẩn thận dẫn đến việc nhầm lẫn họ tên, địa chỉ, mức hình phạt... phải đính chính. Có tr-ờng hợp nghiêm trọng hơn đó là phát hành trích sao trước ngày ra bản án phúc thẩm...

Không ít tr-ờng hợp biên bản phiên tòa phản ánh không đầy diễn biến tại phiên tòa, bỏ sót nhiều nội dung, thậm chí có tr-ờng hợp thành phần Hội đồng xét xử trong biên bản phiên tòa không thống nhất với bản án và thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng không kiểm tra khi ký dẫn đến có việc hủy án ...

** Bản án (quyết định) phúc thẩm ch-a có căn cứ hoặc thiếu tính thuyết phục*

Tính hợp pháp và có căn cứ là những yêu cầu quan trọng đối với một bản án nói chung và đối với bản án phúc thẩm nói riêng. Mặt khác bản án phúc thẩm còn phải là sự chuẩn mực mang tính chất h-ớng dẫn cho các Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên nhiều bản án hình sự phúc thẩm không đảm bảo đ-ợc các yêu cầu đó, đôi khi còn biểu hiện sự mâu thuẫn giữa phần nhận định và quyết định của bản án phúc thẩm.

** Vẫn còn tình trạng tồn đọng án*

Bảng 2.6: Tỷ lệ án hình sự phúc thẩm còn tồn đọng hàng năm từ năm 2004 đến năm 2010 của ngành Tòa án Hà Nội

Năm	Số án hình sự phúc thẩm tòa án Hà Nội thụ lý giải quyết (vụ)	Số án phúc thẩm đã giải quyết đ-ợc (vụ)	Số án tồn (vụ)	Tỷ lệ (%)
2004	513	503	10	0,19
2005	582	563	19	3,3
2006	676	675	1	0,1
2007	748	743	5	0,7
2008	930	925	5	0,5
2009	945	944	1	0,1
2010	834	831	3	0,4

Nguồn: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

** Viện kiểm sát ch-a thực hiện hết trách nhiệm của mình trong việc kiểm sát việc xét xử*

Bên cạnh những kết quả đạt đ-ợc, trong hoạt động của Viện kiểm sát Hà Nội ở giai đoạn phúc thẩm cũng còn những tồn tại, thể hiện ở một số điểm sau:

- Viện kiểm sát ch-a thực hiện đúng và đầy đủ chức năng của mình trong việc phát hiện sai phạm và kháng nghị kịp thời các bản án, quyết định sơ thẩm có vi phạm pháp luật.

- Nhiều tr- ờng hợp viện kiểm sát kháng nghị thiếu căn cứ nên Viện kiểm sát cấp phúc thẩm phải rút kháng nghị của Viện kiểm sát cấp đ- ối tr- ớc khi mở phiên tòa. Có những tr- ờng hợp kháng nghị không có lý do thuyết phục nên tỷ lệ đ- ọc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội chấp nhận kháng nghị không cao.

- Việc nghiên cứu hồ sơ, chuẩn bị phiên tòa phúc thẩm của kiểm sát viên đ- ọc phân công tham gia phiên tòa phúc thẩm còn sơ sài, không nắm chắc vụ án. Điều này dẫn đến chất l- ợng tham gia phiên tòa của kiểm sát viên không cao, việc đối đáp trong giai đoạn tranh luận ch- a có sức thuyết phục đối với Hội đồng xét xử và những ng- ời tham gia tố tụng.

- Năng lực và trình độ nghiệp vụ của một số kiểm sát viên còn nhiều hạn chế, tinh thần trách nhiệm trong công việc ch- a cao. Thực tế kỹ năng tranh tụng của các kiểm sát viên còn yếu, ch- a sắc bén và có sức thuyết phục.

** Các quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm còn nhiều bất cập*

Các quy định của pháp luật về xét xử phúc thẩm còn nhiều bất cập, thể hiện trên các mặt sau:

- Trong việc xác định thống nhất phạm vi kháng cáo của ng- ời bị hại và ng- ời đại diện hợp pháp

- Sự có mặt của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm

- Trong việc xác định t- cách tham gia tố tụng của bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị

- Trong việc xác định hiệu lực của bản án sơ thẩm trong các tr- ờng hợp rút kháng cáo.

- Về phạm vi và thẩm quyền xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm.

** Các bất cập khác*

- Số l- ợng án giải quyết án của ngành Tòa án Hà Nội, đặc biệt là các Tòa án cấp quận huyện ngày càng tăng kéo theo số l- ợng án hình sự phúc thẩm mà Tòa án Hà Nội phải giải quyết tăng, tính chất vụ án ngày càng phức tạp. Trong khi đó, việc quy định của pháp luật tố tụng hình sự và các văn bản h- ớng dẫn thi hành ch- a chặt chẽ, còn nhiều bất cập, ch- a phù hợp, chậm chuyển đổi hay h- ớng dẫn áp dụng pháp luật một cách thống nhất.

- Việc sát nhập địa phận tỉnh Hà Tây và một số xã, huyện lân cận của tỉnh Vĩnh Phúc, Hòa Bình vào Hà Nội cũng phần nào ảnh h- ưởng đến việc thống nhất việc áp dụng pháp luật trên địa bàn thành phố.

- Lực l- ợng cán bộ Tòa án, Viện kiểm sát ch- a đủ đáp ứng yêu cầu công tác đang ngày càng cao, phù hợp với tình hình hiện tại.

- Cơ sở vật chất, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công chức ch- a đáp ứng đối với điều kiện công tác hiện nay, nhìn chung nhiều địa ph- ơng còn khó khăn, đặc biệt là các huyện nh- Sóc Sơn, Mê Linh, Phúc Thọ

- Cán bộ Tòa án, kiểm sát viên ch- a làm hết trách nhiệm.

- Nhận thức và hiểu biết về pháp luật ch- a cao

- Chế độ chính sách đối với cán bộ ngành ch- a hợp lý

- Cơ chế giám sát của Viện kiểm sát ch- a chặt chẽ, còn lỏng lẻo, ch- a thực hiện đúng chức năng của mình

2.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự

2.2.1. Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về phúc thẩm

Giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về phúc thẩm theo h- ớng sửa đổi bổ sung sau:

- Điều 230 cần sửa đổi hoàn thiện theo h- ớng xác định lại chủ thể của xét xử phúc thẩm và tính chất của xét xử phúc thẩm, cụ thể:

Điều 230: Tính chất của Xét xử phúc thẩm

*Xét xử phúc thẩm là việc **Tòa án cấp phúc thẩm** xét xử lại vụ án hoặc quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó ch- a có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị...*

- Điều 231 cần hoàn thiện để làm rõ hơn quyền kháng cáo của họ đối với bản án, quyết định sơ thẩm, cụ thể:

Điều 231: Những ng- ời có quyền kháng cáo

*Bị cáo, ng- ời bị hại, ng- ời đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về **phân bồi th- ờng liên quan đến mình cũng như về hình sự đối với bị cáo...***

- Điều 238 cần hoàn thiện theo h- ớng quy định rõ thời hạn đ- ọc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị theo h- ớng làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, cụ thể:

Điều 238: Bổ sung, thay đổi, rút kháng cáo, kháng nghị

1...*Có quyền bổ sung, thay đổi kháng cáo, kháng nghị nh- ng không đ- ợc làm xấu hơn tình trạng của bị cáo; rút một phần hoặc toàn bộ kháng cáo, kháng nghị. Việc thay đổi, bổ sung kháng cáo, kháng nghị theo h- ớng làm xấu hơn tình trạng của bị cáo chỉ đ- ợc thực hiện trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị.*

2...

- Điều 246 cần hoàn thiện theo h- ớng nêu rõ quyền của thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm trong việc yêu cầu bổ sung chứng cứ mới, cụ thể:

Điều 246: Bổ sung, xem xét chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm

*Tr- ớc khi xét xử hoặc trong khi xét hỏi tại phiên tòa, Viện kiểm sát có thể tự mình hoặc **thẩm phán chủ tọa phiên tòa hay Hội đồng xét xử yêu cầu** bổ sung chứng cứ mới...*

- Điều 247 cần hoàn thiện theo h- ớng quy định thêm thủ tục phúc thẩm bút lục, cụ thể

Điều 247: Thủ tục phiên tòa phúc thẩm

1...

2. *Tòa án cấp phúc thẩm có thể xem xét vụ án không phải mở phiên tòa, không triệu tập bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng nếu có đủ các điều kiện sau đây:*

- *Vụ án thuộc tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng do vô ý*

- *Bị cáo là ng- ời đã thành niên và không có nh- ợc điểm về thể chất hoặc tinh thần;*

- *Bị cáo có mặt và nhận tội tại phiên tòa sơ thẩm;*

- *Chỉ có kháng cáo của bị cáo hoặc của ng- ời bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo;*

- *Chứng cứ về vụ án rõ ràng;*

- *Quan điểm xử lý vụ án giữa các cơ quan tiến hành tố tụng không trái ng- ợc nhau không trái ng- ợc nhau;*

- *Bị cáo đồng ý xét xử theo thủ tục bút lục.*

Trong tr- ờng hợp cần thiết Tòa án có thể triệu tập bị cáo và những ng- ời liên quan đến kháng cáo tham gia phiên tòa. Họ đ- ợc trình bày ý kiến của mình tr- ớc khi Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án.

- Điều 249 cần hoàn thiện theo h- ớng quy định mở rộng quyền của Tòa án cấp phúc thẩm khi sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

Điều 249: Sửa bản án sơ thẩm.

1. *Tòa án cấp phúc thẩm có quyền sửa bản án sơ thẩm nh- sau:*

a...

đ...

e. Các tr- ờng hợp khác

2...

3. *Trong tr- ờng hợp Viện kiểm sát kháng nghị hoặc ng- ời bị hại, **ng- ời đại diện hợp pháp của họ** kháng cáo yêu cầu thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể tăng hình phạt, áp dụng điều khoản Bộ luật Hình sự về tội nặng hơn trong tội danh Viện kiểm sát truy tố; tăng mức bồi th- ờng thiệt hại. **Tr- ờng hợp nguyên đơn dân sự, ng- ời đại diện hợp pháp của họ, ng- ời bảo vệ quyền lợi của đ- ồng sự là ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự là ng- ời ch- ả thành niên hoặc ng- ời có nh- ợc điểm về thể chất hoặc tâm thần kháng cáo yêu cầu thì Tòa án cấp phúc thẩm có thể tăng mức bồi th- ờng thiệt hại. Tr- ờng hợp có kháng nghị của Viện kiểm sát hoặc kháng cáo của ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự, ng- ời đại diện hợp pháp, ng- ời bảo vệ quyền lợi của đ- ồng sự là ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự, nếu có căn cứ, Tòa án vẫn có thể giảm hình phạt, áp dụng điều khoản Bộ luật Hình sự về tội nhẹ hơn, chuyển sang khung hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho h- ớng án treo, giảm mức bồi th- ờng thiệt hại.***

Ngoài việc tiếp tục hoàn thiện các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi) về phúc thẩm mà chúng tôi đã đề cập ở trên, các cơ quan có thẩm quyền cần kịp thời các văn bản (thông t- liên tịch, nghị quyết Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao,...) để h- ớng dẫn đầy đủ và cụ thể việc áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi) nói chung và các quy định về phúc thẩm nói riêng.

2.2.2. Các giải pháp khác

* *Giải pháp về tổ chức - cán bộ*

- *Tổ chức lại các Tòa phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tối cao và các Viện phúc thẩm thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho phù hợp;*

- Tăng cường cán bộ và kiện toàn biên chế thẩm phán và kiểm sát viên của Tòa án và Viện kiểm sát cấp phúc thẩm, phân công nhiệm vụ theo hướng chuyên môn hóa.

** Sửa đổi chế độ chính sách đối với các cán bộ ngành*

- Bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết cho hoạt động của các Tòa án và Viện kiểm sát cấp phúc thẩm.

- Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với thẩm phán và kiểm sát viên.

** Tăng cường công tác giải thích tuyên truyền giáo dục pháp luật*

Bên cạnh các giải pháp pháp lý; các giải pháp về tổ chức, biên chế; về con người và vật chất - kỹ thuật nêu đã đề cập ở trên, thì việc tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật và trách nhiệm công dân cho các tầng lớp nhân dân cũng là một giải pháp không kém phần quan trọng để nâng cao hiệu quả phúc thẩm các vụ án hình sự.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu về xét xử phúc thẩm trong tố tụng hình sự, những kết quả mà chúng tôi đạt được thể hiện ở những điểm chính sau đây:

Qua nghiên cứu các quan điểm khác nhau về phúc thẩm trong tố tụng hình sự và quy định của các nước về phúc thẩm, luận án đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận các nội dung cơ bản của phúc thẩm: tính chất của phúc thẩm; thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm và thủ tục phúc thẩm các vụ án hình sự; các quan điểm và xu hướng khác nhau trong điều chỉnh bằng pháp luật ở các nước trên thế giới. Trên cơ sở đó đưa ra khái niệm mang tính khoa học về phúc thẩm trong tố tụng hình sự. Kết quả nghiên cứu góp một phần nhằm thống nhất nhận thức lý luận về bản chất và nội dung của phúc thẩm với tư cách là một giai đoạn độc lập, một chế định của tố tụng hình sự, đồng thời là một thủ tục xét xử lại những vụ án hình sự mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

Luận án đã làm nổi bật được tính xã hội, tính lịch sử của các quy định này (tính chất và đối tượng của phúc thẩm trong tố tụng hình sự; phạm vi xét xử phúc thẩm; quyền hạn của Tòa án cấp phúc thẩm; vấn đề thủ tục xét xử phúc thẩm rút ngắn,...) để từ đó rút ra những yếu tố hợp lý cần được kế thừa, phát triển trong quá trình sửa đổi toàn diện Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành; những quy định không còn phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp và

quá trình dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội cần loại bỏ nhằm bảo vệ có hiệu quả hơn các quyền con người trong lĩnh vực đặc thù này.

Các quy định pháp luật tố tụng hình sự nước ta về phúc thẩm không ngừng được sửa đổi, bổ sung và ngày càng hoàn thiện. Tuy nhiên, do sửa đổi, bổ sung không đồng bộ, toàn diện nên các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nói chung và về phúc thẩm nói riêng ngày càng bất cập làm hạn chế hiệu quả phúc thẩm các vụ án hình sự ở nước ta. Trước yêu cầu đòi hỏi của công cuộc cải cách tư pháp, các quy định pháp luật hiện hành về phúc thẩm và các quy định có liên quan cần được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật của nước ta nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng.

Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động phúc thẩm các vụ án hình sự ở nước ta những năm gần đây, luận án đã chỉ ra những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn phúc thẩm và nguyên nhân để từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại, vướng mắc đó nhằm nâng cao hiệu quả phúc thẩm các vụ án hình sự.

Dựa trên cơ sở lý luận kết hợp với tổng kết thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tố tụng hình sự về phúc thẩm, có tham khảo pháp luật của một số nước, luận án đã chỉ ra nhu cầu cấp thiết của việc nâng cao hiệu quả phúc thẩm các vụ án hình sự ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, đồng thời đưa ra những định hướng và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phúc thẩm, cụ thể là:

- Các giải pháp pháp lý nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành về phúc thẩm và các quy định có liên quan đến phúc thẩm;

- Các giải pháp về tổ chức nhằm kiện toàn tổ chức, biên chế của các Tòa án và Viện kiểm sát cấp phúc thẩm nhằm xây dựng đội ngũ thẩm phán và kiểm sát viên nói chung và đội ngũ thẩm phán và kiểm sát viên cấp phúc thẩm nói riêng có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp giải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, bảo đảm cho các cơ quan tiến hành tố tụng hoạt động có hiệu quả; có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ thẩm phán và kiểm sát viên phù hợp với hoạt động nghề nghiệp đặc thù của họ;

- Ngoài ra, việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật và trách nhiệm công dân cho các tầng lớp nhân dân cũng là một giải pháp cần quan tâm.